

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hòa;

Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 621/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1979, “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1978, “vắng mặt”.

Cùng cư trú tại: Ấp LT, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Vợ chồng chị chung sống với nhau từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH. Sau khi cưới, chị về làm dâu bên chồng, vợ chồng đều làm ruộng để sống. Đến năm 2008, chị đi làm công

nhân. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S thường xuyên nhậu nhẹt còn cờ bạc. Chị khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh không sửa chữa. Do đó, chị dọn ra khỏi nhà thuê nhà trọ để sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhật V, sinh ngày 09-6-2000 và Nguyễn Thật Thảo G, sinh ngày 23-8-2006. Cháu Nhật V hiện đã có gia đình riêng, còn cháu G đang sống với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh S. Về con chung: Hiện cháu V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu tiếp tục cháu G và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của vợ anh là đúng về thời gian sống chung, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N. Con chung: Giao chị N tiếp tục nuôi. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh S.

Về con chung: Giao cháu G cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu V đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S chung sống với nhau từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới. Các đương sự đều trình bày có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH nhưng không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Ngoài ra, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã LH xác nhận chị N và anh S không có đăng ký kết hôn tại xã. Do đó, xác định chị N và anh S chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, chị N và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tình cảm giữa hai người không còn và tự sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy chị N và anh S chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị N có yêu cầu ly hôn với anh S, anh S đồng ý ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh S.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật V, sinh ngày 09-6-2000 và Nguyễn Thật Thảo G, sinh ngày 23-8-2006; hiện cháu V đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Riêng cháu G qua hỏi ý kiến cháu có nguyện vọng theo sống với chị N. Anh S cũng đồng ý giao cháu G cho chị N tiếp tục nuôi. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu G cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thập Thảo G, sinh ngày 23-8-2006 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Con chung Nguyễn Nhật V, sinh ngày 09-6-2000 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0016547 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị N đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho chị N biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Lộc Hưng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm

